TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-05-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Văn Thành
Ông Trần Như Cường

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Huấn – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc: Ly hôn. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bầy: Tôi và anh Đ kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 23/12/2014 tại UBND xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ tháng 7/2016 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống với nhau không hòa hợp, tính tình và quan điểm sống vợ chồng thường xuyên bất đồng từ đó mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra và vợ

chồng tôi sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Đ.

* Về con chung: Có 01 cháu: Nguyễn Chí C sinh ngày 20/3/2015. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu anh Đ tại thôn C, xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Những lần Tòa án gửi các giấy tờ cho anh Đ, anh Lý Trung H (cán bộ Tư pháp hộ tịch xã) đã nhận các giấy tờ của Tòa án và thông báo nội dung cho anh Đ biết việc Tòa án báo gọi nhưng anh Đ cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh Đ. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu C cho chị T nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Ngọc Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 23 tháng 12 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng sau khi kết hôn anh chị sống với nhau hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ tháng 7/2016 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do

vợ chồng sống với nhau không hòa hợp, tính tình và quan điểm sống vợ chồng thường xuyên bất đồng từ đó mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra và vợ chồng tôi sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn anh Đ là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bầy của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định hiện nay chị T và anh Đ đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh Đ là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Nguyễn Chí C sinh ngày 20/3/2015. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu C đang ở cùng chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu C được ổn định, đầy đủ. Do vậy cần giao cháu C cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Nguyễn Chí C sinh ngày 20/3/2015 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/04741 ngày 14/3/2018 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Ái
- Lưu HS-TQĐ.

Chu Thị Thoảng